

11/12

Danh Sách Ghi Điểm**Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

D71-111

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA21YKB

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

11 / 12 / 2023Phòng thi: D71-111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116021006	Trần Ngọc Hiếu	28/02/2002	Nam	8.0	5.8	6.9	001			
2	116021007	Phạm Chí Bảo	11/06/2003	Nam	9.0	3.9	6.2	002			
3	116021008	Lê Văn Phúc	21/04/2003	Nam	7.5	7.3	7.4	003			
4	116021019	Phạm Quốc Thịnh	20/09/2003	Nam	8.0	8.0	8.0	004			
5	116021023	Trần Nguyễn Hoàng Kim	03/08/2003	Nữ	8.0	3.5	5.8	005			
6	116021036	Bùi Ngọc Anh Văn	08/12/2003	Nữ	8.0	7.5	7.8	006			
7	116021040	Đoàn Thị Xuân Mai	06/03/2003	Nữ	8.0	3.5	5.8	007			
8	116021041	Nguyễn Huỳnh Đỗ	30/04/2002	Nam	7.0	4.5	5.8	008			
9	116021046	Nguyễn Ngọc Trâm	10/01/2002	Nữ	8.5	5.0	6.8	009			
10	116021048	Đỗ Ngọc Duyên	24/10/2002	Nữ	8.0	6.8	7.4	010			
11	116021052	Trương Khánh Văn	25/05/2001	Nam	7.5	5.3	6.4	011			
12	116021067	Nguyễn Mỹ Ngân	30/10/2003	Nữ	8.5	5.8	7.2	012			
13	116021074	Bùi Xuân Vũ	24/11/2003	Nam	8.0	7.0	7.5	013			
14	116021081	Trịnh Đức Anh	19/05/2003	Nam	9.0	5.5	7.3	014			
15	116021082	Châu Nguyễn Tường Vy	06/04/2003	Nữ	8.0	7.3	7.7	015			
16	116021095	Trần Thị Hoàng Oanh	26/02/2003	Nữ	8.5	5.3	6.9	016			
17	116021100	Quảng Nữ Hằng Nga	07/07/2003	Nữ	8.5	5.8	7.2	017			
18	116021107	Nguyễn Thị Quỳnh Như	09/12/2003	Nữ	8.5	5.5	7.0	018			
19	116021108	Cao Vãng Diễm Thanh	17/03/2003	Nữ	8.0	5.8	6.9	019			
20	116021116	Trần Minh Thuận	26/11/2003	Nam	8.5	8.3	8.4	020			
21	116021121	Đặng Quốc Huy	18/05/2003	Nam	9.0	4.3	6.7	021			
22	116021159	Bùi Ngọc Thanh Xuân	17/05/2003	Nữ	8.0	5.3	6.7	022			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Đỗ Trung Sơn

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 18 tháng 12 năm 2023Cán bộ ghi điểm: Châu Cao Dương Phương LanCán bộ kiểm tra: Châu Cao Dương Phương LanNguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

11112

ĐTH 112

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA21YKB

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Thực nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

11 / 12 / 2023

Phòng thi: ĐTH 112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116021160	Dương Minh Trâm	Anh	21/01/2003	Nữ	9.0	5,8	7,4	001	Anh	
2	116021167	Hồ Nhật	Duy	20/10/2003	Nam	8.0	5,5	6,8	002	Tr	
3	116021182	Trần Hồng	Chương	04/10/2003	Nam	8.5	6,5	7,5	003	Tr	
4	116021185	Nguyễn Bùi Trúc	Linh	20/06/2003	Nữ	8.0	6,5	7,3	004	Trúc	
5	116021196	Trương Gia	Lạc	11/07/2003	Nam	7.5	4,5	6,0	005	Tr	
6	116021197	Trần Minh	Thuận	23/11/2002	Nam	9.0	4,5	6,8	006	Tr	
7	116021209	Diệp Thanh	Thuận	27/05/2003	Nam	8.5	5,8	7,2	007	ĐTH	
8	116021211	Dương Thị Kim	Yến	10/01/2003	Nữ	8.0	5,5	6,8	008	Kim	
9	116021216	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	25/04/2003	Nữ	8.0	5,8	6,9	009	Thanh	
10	116021221	Lê Ngọc	Diễm	23/04/2003	Nữ	9.0	6,5	7,8	010	Diễm	
11	116021223	Lê Phương	Đình	20/01/2003	Nữ	9.5	4,0	6,8	011	ĐTH	
12	116021232	Trương Thị Huyền	Trần	09/11/2003	Nữ	9.0	5,8	7,4	012	Tr	
13	116021349	Phan Thái	Duy	05/01/2003	Nam	8.5	5,3	6,9	013	Tr	
14	116021354	Võ Thị Ngọc	Tuyền	21/05/2003	Nữ	8.0	4,8	6,4	014	Nguyen	
15	116021357	Lê Thị Thu	Ngân	23/05/2002	Nữ	9.0	4,8	6,9	015	Tr	
16	116021360	Phạm Đỗ Thiên	Ân	22/04/2003	Nữ	9.0	4,5	6,8	016	An	
17	116021368	Trần Minh	Quang	13/11/2003	Nam	8.0	5,3	6,7	017	Quang	
18	116021369	Nguyễn Quang	Nhã	15/01/2003	Nam	9.0	4,5	6,8	018	Tr	
19	116021375	Chiêm Hoàng	Minh	09/05/2003	Nam	8.0	5,0	6,5	019	Tr	
20	116021376	Phan Yến	Ngọc	21/12/2003	Nữ	8.0	4,5	6,3	020	Tr	
21	116021377	Đào Thị Ngọc	Lan	30/03/2003	Nữ	8.5	5,5	7,0	021	Tr	
22	116021378	Trương Thủy	Như	26/05/2003	Nữ	9.0	4,0	6,5	022	Tr	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22

Tổng số tờ: 22

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thanh Thanh

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Trần

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA21YKB

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Trao đổi

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

11/12/2023

Phòng thi: 071.11.3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116021379	Phan Hoàng Minh	17/01/2003	Nam	8.0	5,3	6,7	019	<u>Minh</u>		
2	116021380	Nguyễn Hồng Ngọc	06/12/2002	Nữ	7.5	3,8	5,7	020	<u>Ngoc</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 02

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 02

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 02

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Cường (Chánh)

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Quốc Cường

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thak

Nguyễn Thị Lành

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

11112

D71.109

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA21YKA

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Giải nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....11...../.....12...../.....2023.....

Phòng thi: D71.109.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116021002	Huỳnh Trung Hào	11/07/2003	Nam	9.5	3.5	6.5	001			
2	116021004	Đoàn Thị Thanh Hương	17/09/2003	Nữ	9.5	5.8	7.7	002			
3	116021009	Phạm Thị Thu Truyền	15/06/2003	Nữ	8.5	5.3	6.9	003			
4	116021011	Thạch Trung Hiếu	11/02/2003	Nam	8.0	4.5	6.3	004			
5	116021013	Dương Gia Thịnh	22/12/2003	Nam	8.5	3.8	6.2	005			
6	116021016	Trần Thị Cẩm Hương	22/03/2003	Nữ	8.5	6.8	7.7	006			
7	116021020	Võ Ánh Thy	12/10/2003	Nữ	9.0	5.8	7.4	007			
8	116021032	Trần Ngọc Thuận	05/02/2003	Nam	9.0	6.3	7.7	008			
9	116021034	Đặng Văn Công	14/12/2003	Nam	9.0	4.8	6.9	009			
10	116021055	Bùi Nguyễn Việt Hương	02/06/2003	Nữ	8.5	4.3	6.4	010			
11	116021063	Trần Trung Nguyên	03/03/2003	Nam	9.0	6.3	7.7	011			
12	116021064	Danh Thị Bích Trâm	19/01/2003	Nữ	9.5	4.8	7.2	012			
13	116021068	Thị Kim Ngân	08/03/2002	Nữ	9.5	5.3	7.4	013			
14	116021073	Hồ Anh Kiệt	06/12/2003	Nam	9.0	6.0	7.5	014			
15	116021075	Đỗ Quốc Huy	09/08/2003	Nam	9.0	5.8	7.4	015			
16	116021076	Trần Ngọc Yến Nhi	07/02/2003	Nữ	8.0	5.3	6.7	016			
17	116021078	Trần Tú Khanh	09/12/2003	Nữ	9.5	5.5	7.5	017			
18	116021091	Nguyễn Thị Yến Nhi	23/05/2003	Nữ	9.5	6.3	7.9	018			
19	116021102	Phan Ngọc Thiên	22/08/2003	Nam	9.5	7.8	8.7	019			
20	116021120	Nguyễn Trọng Hiếu	10/10/2003	Nam	9.0	5.8	7.4	020			
21	116021149	Lâm Thập Hiệp	15/11/2003	Nam	9.0	7.0	8.0	021			
22	116021163	Huỳnh Nguyễn Gia Hân	26/07/2003	Nữ	8.5	2.8	5.7	022			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22...Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22...Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22...

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 18 tháng 12 năm 2023Cán bộ coi thi 1: Lưu Cao Dương Phương LanCán bộ ghi điểm: Lưu Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: LưuNguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

11/12

D71 110

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA21YKA

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
11 / 12 / 2023

Phòng thi: D71.110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116021164	Nguyễn Lê Minh	22/12/2003	Nam	8.0	6,3	7,2	001			
2	116021170	Võ Thị Huyền Như	23/09/2003	Nữ	8.0	6,5	7,3	002			
3	116021174	Nguyễn Phan Tâm Gia	09/12/2003	Nam	9.5	4,8	7,2	003			
4	116021177	Nguyễn Thanh Nhân	04/12/2003	Nam	9.0	6,3	7,7	004			
5	116021181	Nguyễn Phương Thắng	10/01/2003	Nam	9.0	7,0	8.0	005			
6	116021189	Nguyễn Thị Vân Anh	16/10/2003	Nữ	9.5	8,0	8.8	006			
7	116021217	Trần Đức Hào	23/04/2003	Nam	9.5	7,5	8.5	007			
8	116021224	Nguyễn Anh Hào	27/09/2003	Nam	9.0	7,5	8,3	008			
9	116021229	Nguyễn Hồng Như	13/02/2003	Nữ	9.5	8,3	8,9	009			
10	116021239	Phan Anh Lộc	10/10/2003	Nam	9.5	8,0	8,8	010			
11	116021329	Trương Thị Kim Phượng	21/12/2002	Nữ	9.0	5,3	7,2	011			
12	116021332	Đoàn Thị Mỹ Xuyên	01/01/2002	Nữ	9.0	4,0	6,5	012			
13	116021339	Đỗ Phạm Trúc Quỳnh	30/04/2003	Nữ	10.0	5,8	7,9	013			
14	116021340	Nguyễn Khánh Tam	08/05/2003	Nam	8.0	2,8	5,4	014			
15	116021341	Châu Bảo Trân	22/05/2003	Nữ	8.5	5,3	6,9	015			
16	116021345	Lâm Thúy Trân	23/09/2003	Nữ	10.0	6,0	8,0	016			
17	116021346	Trương Ngọc Hân	15/08/2003	Nữ	8.5	5,0	6,8	017			
18	116021348	Lê Quốc Trường	10/11/2003	Nam	9.5	5,3	7,4	018			
19	116021351	Bùi Nguyễn Phương Anh	25/10/2003	Nữ	9.0	5,0	7,0	019			
20	116021352	Nguyễn Tấn Lợi	01/09/2003	Nam	9.0	5,5	7,3	020			
21	116021355	Phan Chí Nguyên	22/03/2003	Nam	9.5	5,0	7,3	021			
22	116021356	Phạm Huỳnh Hữu Luân	07/05/2003	Nam	8.0	3,0	5,5	022			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 22

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 22

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 22

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Thị Ngọc Huyền

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Đào Cao Dương Phương Lan

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA21YKD

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

11 / 12 / 2023

Phòng thi: 07H.11.7

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chỉ
1	116021386	Trần Thanh Danh	23/05/2003	Nam	7.5	5.5	6.5	021	<u>Danh</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Huỳnh Quốc Cường

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 60 %

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Loan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA20YKF

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Tra nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

11 / 12 / 2023

Phòng thi: 071.11.3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	116020575	Nguyễn Hữu Thọ	16/09/2002	Nam	9.5	3.8	6,7	001			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Châu

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phước Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA21DDC

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Đánh giá

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

11/12/2023

Phòng thi: 071.11.3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115421234	Dương Xuân Thùy	06/09/2001	Nữ	7.0	4.0	5.5	008	<u>Th</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Cường

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Th

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

11112

D71.114

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA21CKA

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

11 / 12 / 2023

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111821003	Nguyễn Thành	Đô	13/01/2003	Nam	7.0	2,8	4,9	001	<u>Đô</u>	
2	111821006	Thái Chí	Hải	05/10/2003	Nam	6.5	2,3	4,4	002	<u>Chí</u>	
3	111821015	Trương Bảo	Khanh	15/10/2003	Nam	6.5	2,8	4,7	003	<u>Bảo</u>	
4	111821017	Nguyễn Minh	Khôi	27/12/2003	Nam	7.0	3,5	5,3	004	<u>Khôi</u>	
5	111821019	Nguyễn Văn Sĩ	Lâm	15/07/2003	Nam	6.5	4,8	5,7	005	<u>Sĩ</u>	
6	111821030	Kim Oanh	Thone	15/05/2003	Nam	7.0	6,8	6,9	006	<u>Oanh</u>	
7	111821068	Phạm Phúc	Qui	25/04/2003	Nam	7.0	5,8	6,4	007	<u>Qui</u>	
8	111821097	Trần Gia	Huy	27/07/2003	Nam	7.0	4,0	5,5	008	<u>Gia</u>	

Tổng số sv, hs trên danh sách: 08

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 08

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 08

Tổng số tờ: 08

Cán bộ coi thi 1: Phạm Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

Nguyễn Thị Lành

11112

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

ĐH - 113

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA21CKB

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

11/12/2023

Phòng thi: ĐH - 113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	111821039	Nguyễn Thanh Tân	13/11/2003	Nam	8.0	4.8	6.4	002	TTC		
2	111821040	Nguyễn Minh Thuận	23/11/2003	Nam	7.5	4.8	6.2	003	TH		
3	111821041	Trần Gia Bảo	29/07/2003	Nam	7.5	4.0	5.8	004	JB		
4	111821049	Huỳnh Quý Duy	07/08/2003	Nam	7.5	4.3	5.9	005	QD		
5	111821055	Lương Minh Tiến	19/03/2003	Nam	8.0	3.3	5.7	006	LT		
6	111821139	Đặng Văn Thọ	26/04/2003	Nam	8.0	4.8	6.4	007	DT		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 06

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 06

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 06

Tổng số tờ: 06

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Khánh

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đạt

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA21TTA

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
11 / 12 / 2023

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110121002	Nguyễn Tuấn Anh	07/12/2003	Nam	7.5	5,5	6,5	012	<u>AN</u>		
2	110121010	Cao Nguyễn Hải Đăng	25/09/2003	Nam	7.5	4,5	6,0	013	<u>HD</u>		
3	110121123	Nguyễn Anh Tuấn	10/12/2003	Nam	7.5	4,3	5,9	014	<u>AT</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ: 03

Cán bộ coi thi 1: AN Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Thầy Cao Dương Phước ng loan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thầy

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA21TTB

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: T.N

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

11 / 12 / 2023

Phòng thi: D71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110121187	Trần Minh Phát	28/02/2003	Nam	6.5	3,25	4,9	015			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Cán bộ coi thi 1: Anh Nguyễn Anh Phi

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Mail Cao Dương Phương Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Mail

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA21TSA

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

11/12/2023

Phòng thi: 071.113

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	110321041	Nguyễn Hoài Phúc	06/06/2003	Nam	6.5	3.3	4.9	009	Phúc		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Cường

Cán bộ ghi điểm: Caill Cao Dương Phước Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Đạt

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA21XDGT

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: Trắc nghiệm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

11/12/2023

Phòng thi:

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	116821003	Nguyễn Chí Khang	26/11/2003	Nam	8.0	4.3	6,2	010	<u>Mr</u>		
2	116821004	Nguyễn Hoàng Luân	08/02/2003	Nam	8.0	2.0	5,0	011	<u>Lu</u>		
3	116821006	Trần Thị Thanh Thi	04/01/2003	Nữ	8.5	3.5	6,0	012	<u>Thanh</u>		
4	116821007	Bùi Hoàng Quý	05/05/2003	Nam	8.0	4.5	6,3	013	<u>Quý</u>		
5	116821011	Tô Như Ý	08/09/2003	Nữ	8.5	3.0	5,8	014	<u>Ý</u>		
6	116821012	Võ Nguyễn Thảo Vy	30/05/2003	Nữ	8.5	2.5	5,5	015	<u>Vy</u>		
7	116821013	Diệp Gia Huy	29/05/2003	Nam	8.0	2.0	5,0	016	<u>Huy</u>		
8	116821014	Lê Trọng Nhân	07/11/2003	Nam	8.0	4.5	6,3	017	<u>Nhân</u>		
9	116821021	Lê Tuấn Dũng	29/08/2003	Nam	8.0	6.3	7,2	018	<u>Dũng</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 09

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 09

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 09

Tổng số tờ: 09

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Quốc Chính

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 12 năm 2023

Cán bộ ghi điểm: Trần Cao Dương Phước Long

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Thak

Nguyễn Thị Lành

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2023 - 2024

Học phần Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (180053)

Số tín chỉ 2

Nhóm/Lớp: (71 -)/DA21KNT

CBGD: Kiều Văn Đạt (03583)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
11 / 12 / 2023

Phòng thi: Đ71.114

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114621012	Nguyễn Quang Huy	15/02/2003	Nam	4.5	3.5	4.0	009			
2	114621058	Châu Quốc Đan	29/09/2003	Nam	6.5	5.3	5.9	010			
3	114621061	Đỗ Lê Như	21/03/2003	Nữ	7.0	4.5	5.8	011			

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 03

Tổng số tờ: 03

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 18 tháng 12 năm 2023

Cán bộ coi thi 1: ĐHL Nguyễn Anh Phi

Cán bộ ghi điểm: Thanh Cao Dương Phước Lan

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: ĐHL

Nguyễn Thị Linh